

BÁO CÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
 Năm học 2019 - 2020

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	343	87	89	93	89
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	313 (87.43%)	68 (78.16%)	80 (89.89%)	84 (90.32%)	81 (91.01%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	44 (12.29%)	19 (21.84%)	9 (10.11%)	8 (8.6%)	8 (8.99%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,28%)	0 (0%)	0 (0%)	1 (1.08%)	0 (0%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	358	87	89	93	89
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	61 (17.04%)	13 (14.94%)	22 (24.72%)	14 (15.05%)	12 (13.48%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	161 (44.97%)	35 (40.23%)	41 (46.07%)	45 (48.39%)	40 (44.94%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	122 (34.08%)	26 (29.89%)	26 (29.21%)	33 (35.48%)	37 (41.57%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	14 (3.91%)	13 (14.94%)	0	1 (1.08%)	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	344	74	89	92	89
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	61 (17.04%)	13 (14.94%)	22 (24.72%)	14 (15.05%)	12 (13.48%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	161 (44.97%)	35 (40.23%)	41 (46.07%)	45 (48.39%)	40 (44.94%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	14 (3.91%)	13 (14.94%)	0	1 (1.08%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	2 (0.006%)	2 (0.02%)	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	9/15				
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện/thị xã	3			1	2
2	Cấp tỉnh/thành phố					

3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	89				89
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	89				89
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	12 (13.48%)				12 (13.48%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	40 (44.94%)				40 (44.94%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	37 (41.58%)				37 (41.58%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	202/156	46/41	43/46	64/29	48/41
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	4	1	2	0	1

Đông Triều, ngày 30 tháng 7 năm 2020
Thủ trưởng đơn vị

Phạm Văn Thịnh

